TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 398/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 386/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Phan Ngọc Đ**, sinh năm 1976.

Căn cước số: 046076002646 do Bộ Công an cấp ngày 01/11/2024.

Nơi cư trú: Số 18 đường N, Tổ 24 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Số 18 đường N, Tổ 99 phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1973.

Căn cước công dân số: 048173001195 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/4/2021.

Nơi cư trú: Số 18 đường N, Tổ 24 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Số 18 đường N, Tổ 99 phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xây dựng gia đình với nhau năm 2017, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng phần ai nấy lo, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay

ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00005849 ngày 20/11/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số số 44/2017, ngày 21/6/2017 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Phan Ngọc Đ và bà Lê Thị N mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00005849 ngày 20/11/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường N, thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết